

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đổi tên Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Thanh Hóa thành Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa, công nhận Điều lệ Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2020 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Công văn số 888/BNV-TCPCP ngày 21/02/2020 của Bộ Nội vụ về việc rà soát, tổ chức thực hiện theo Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam Thanh Hóa; của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 602/TTr-SNV ngày 28/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Thanh Hóa thành Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa và công nhận Điều lệ Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa, ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

ĐIỀU LỆ

Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa
(Được công nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở của Quỹ

1. Tên gọi: Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa.
2. Biểu tượng: Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa sử dụng biểu tượng của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
3. Trụ sở làm việc của Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa đặt tại: Số 263 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Quỹ

Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Quỹ) là Quỹ từ thiện, hoạt động không vì lợi nhuận, nhằm mục đích hỗ trợ người nghèo, người khuyết tật, nạn nhân thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam, người bị rủi ro, hoạn nạn, bị bệnh hiểm nghèo, tổn hại đến sức khỏe, các đối tượng chính sách xã hội khác, nhằm giúp đỡ các đối tượng khó khăn ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Quỹ được hình thành từ nguồn vốn đóng góp ban đầu của các sáng lập viên và tự tạo vốn trên cơ sở vận động, quyên góp của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, để thực hiện các hoạt động theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ.
2. Quỹ được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:
 - a) Không vì mục tiêu lợi nhuận;
 - b) Tự nguyện, tự chủ, tự trang trải kinh phí và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ;
 - c) Công khai, minh bạch về tổ chức hoạt động và thu, chi, tài chính, tài sản của Quỹ;
 - d) Tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, tuân thủ pháp luật, chịu sự quản

lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành có liên quan về lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

đ) Không phân chia tài sản của Quỹ trong quá trình Quỹ đang hoạt động.

2. Quỹ có phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Ban sáng lập viên thành lập quỹ

Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa do Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa sáng lập; Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh cho phép thành lập theo Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 12/8/1988; Trụ sở tại: Số 263 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ; QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA QUỸ

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Sử dụng nguồn vốn của Quỹ để hỗ trợ, tài trợ cho các đối tượng, các chương trình, dự án phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận và quản lý tài sản được tài trợ, viện trợ theo ủy quyền từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy quyền phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận tài sản từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng hoặc bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn của Quỹ.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Quỹ

1. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức, hoạt động theo pháp luật và Điều lệ Quỹ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;

b) Vận động quyên góp, tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật. Tổ chức các hoạt động theo quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản của Quỹ;

c) Được thành lập pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật;

d) Được quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật;

đ) Quỹ được phối hợp với cá nhân, tổ chức để vận động quyên góp, vận động tài trợ cho Quỹ hoặc để triển khai các đề án, dự án cụ thể của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với các địa phương, tổ chức, cá nhân cần sự trợ giúp để xây dựng và thực hiện các đề án tài trợ theo mục đích hoạt động của Quỹ.

2. Nghĩa vụ của quỹ:

a) Quỹ hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ, chăm sóc, giúp đỡ các đối tượng theo tôn chỉ mục đích của Quỹ; chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Thực hiện tài trợ đúng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức đã ủy quyền phù hợp với mục đích của Quỹ;

c) Quỹ được thành lập từ các nguồn tài sản hiến, tặng hoặc theo hợp đồng ủy quyền, di chúc mà không tổ chức quyên góp và nhận tài trợ thì hàng năm phải dành tối thiểu 5% tổng số tài sản để tài trợ cho các chương trình, dự án phù hợp với mục đích hoạt động của Quỹ;

d) Lưu trữ và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của Quỹ, nghị quyết, biên bản về các hoạt động của Quỹ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Sử dụng tài sản, tài chính tiết kiệm và hiệu quả theo đúng mục đích của Quỹ; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

e) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân tài trợ và cộng đồng theo quy định của pháp luật. Có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ và báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm công khai các khoản đóng góp trên phương tiện thông tin đại chúng trước ngày 31 tháng 3;

h) Khi thay đổi trụ sở chính hoặc Giám đốc Quỹ, Quỹ phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập Quỹ;

i) Hàng năm, Quỹ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và tài chính với cơ quan cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập Quỹ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động của Quỹ và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh nơi Quỹ đặt trụ sở trước ngày 31 tháng 12;

k) Thực hiện các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến tổ chức, hoạt động của Quỹ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Chương III **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ.
3. Văn phòng và các bộ phận chuyên môn trực thuộc Quỹ (nếu có);

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan quản lý của Quỹ, nhân danh Quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ; các thành viên phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có án tích. Hội đồng quản lý Quỹ có 5 (năm) thành viên do sáng lập viên đề cử, trường hợp không có đề cử của sáng lập viên thành lập Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ tiếp theo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm. Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ.
 - b) Quyết định các giải pháp phát triển Quỹ; thông qua hợp đồng vay, mua, bán tài sản có giá trị lớn của Quỹ.
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; quyết định thành lập Ban Kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Quỹ hoặc ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Quỹ trong trường hợp Giám đốc Quỹ là người do Quỹ thuê; quyết định người phụ trách công tác kế toán và người quản lý khác quy định tại Điều lệ Quỹ.
 - d) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, người phụ trách kế toán Quỹ và người làm việc tại Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
 - đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính Quỹ.
 - e) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Quỹ.
 - g) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ.
 - h) Quyết định giải thể hoặc đề xuất những thay đổi về giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - i) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ 6 tháng một lần, có thể họp bất thường theo yêu cầu của trên 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham gia.

b) Mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp số thành viên có mặt tại cuộc họp không đầy đủ, người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến bằng văn bản, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt có giá trị như ý kiến của thành viên có mặt tại cuộc họp.

c) Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tán thành.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam được Hội đồng quản lý Quỹ bầu và là người đại diện theo pháp luật của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể kiêm Giám đốc Quỹ.

2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ không quá (05 năm). Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 10. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành các hoạt động của Quỹ theo sự phân công của Hội

đồng quản lý Quỹ và thực hiện nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ. Ban kiểm soát Quỹ gồm 03 thành viên Trưởng ban, Phó trưởng ban và ủy viên.

2. Ban kiểm soát Quỹ hoạt động độc lập và có nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo Điều lệ và các quy định của pháp luật;

b) Giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân gửi đến Quỹ;

c) Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình tài chính của Quỹ.

Điều 12. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoặc thuê người khác làm Giám đốc Quỹ và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

2. Giám đốc Quỹ là người điều hành công việc hàng ngày của Quỹ, chịu sự giám sát của Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ, chấp hành các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản lý, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật.

b) Ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm điều hành của Giám đốc và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

c) Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan có thẩm quyền.

d) Chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản.

đ) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm Phó Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 13. Phụ trách kế toán của Quỹ

1. Phụ trách kế toán Quỹ:

a) Người phụ trách kế toán Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và thực hiện theo quy định của pháp

luật hiện hành về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế phụ trách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

b) Người được giao phụ trách kế toán của Quỹ có trách nhiệm giúp Giám đốc Quỹ tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ thường xuyên và hàng năm; mở sổ sách; chứng từ thu, chi. Theo dõi chặt chẽ các nguồn vốn của Quỹ, phân sinh lời và sử dụng phần sinh lời; hiện vật và tài sản của Quỹ; quyết toán quỹ hàng năm theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ.

c) Không được bổ nhiệm người có tiền án, tiền sự, bị kỷ luật vì tham ô, xâm phạm tài sản nhà nước và vi phạm các chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính mà chưa được xóa án tích làm phụ trách kế toán của Quỹ.

d) Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể Quỹ hoặc trường hợp phụ trách kế toán của Quỹ chuyển công việc khác thì người phụ trách kế toán phải hoàn thành việc quyết toán trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể Quỹ hoặc nhận việc khác và vẫn phải chịu trách nhiệm về các số liệu, báo cáo kế toán trong giai đoạn mình phụ trách cho đến khi bàn giao xong công việc cho người khác.

Chương IV

VẬN ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

Điều 14. Vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong nước và nước ngoài nhằm thực hiện mục đích hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời công khai thông tin qua trang thông tin điện tử của tổ chức (nếu có) để công chúng và các nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát.

Điều 15. Nguyên tắc vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Việc vận động tài trợ, vận động quyên góp tiền, hiện vật, công sức của cá nhân, tổ chức phải trên cơ sở tự nguyện với lòng hảo tâm, Quỹ không tự đặt ra mức huy động đóng góp tối thiểu để buộc cá nhân, tổ chức thực hiện.

2. Việc quyên góp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền, hiện vật từ cá nhân, tổ chức đóng góp cho Quỹ phải công khai, minh bạch và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ phải công khai, minh bạch, bao gồm: Mục đích vận động quyên góp, tài trợ; kết quả vận động quyên góp, tài trợ; việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Hình thức công khai bao gồm:

- a) Niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận quyên góp, tài trợ và nơi nhận cứu trợ, trợ giúp;
- b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Đối tượng hưởng lợi

1. Đối tượng hưởng lợi là những người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bao gồm: Người nghèo, người khuyết tật, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, các đối tượng chính sách xã hội, người bị rủi ro, hoạn nạn, người bị bệnh hiểm nghèo tổn hại đến sức khỏe được cơ quan y tế xác nhận và cơ quan có thẩm quyền giới thiệu.

2. Nạn nhân chất độc da cam, con cháu của nạn nhân chất độc da cam sinh ra bị khuyết tật, dị dạng hoặc bị các bệnh khác.

3. Ưu tiên giúp đỡ cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình có nhiều người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, đồng bào dân tộc nghèo khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới.

4. Các cộng đồng nằm trong khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu và dịch bệnh.

Điều 17. Hình thức giúp đỡ

1. Cứu trợ khẩn cấp và cứu trợ phục hồi cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, các trường hợp rủi ro đột xuất bằng tiền, tặng quà, tặng hiện vật, lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm.

2. Xây dựng các công trình: Làm nhà mới, sửa lại nhà, xây dựng công trình nước sạch, vệ sinh, làm đường dân sinh (nếu có). Hỗ trợ trang thiết bị phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh cho người dân và cộng đồng dễ bị tổn thương.

3. Phối hợp với cơ quan Y tế, tổ chức khám, chữa bệnh, tư vấn sức khỏe và cấp thuốc miễn phí, chỉnh hình, phục hồi chức năng.

4. Hỗ trợ học nghề và phương tiện thiết yếu cho các đối tượng tàn tật, nạn nhân chiến tranh, các trường hợp tai nạn thương tích nặng.

5. Hỗ trợ nâng cao đời sống như: Hỗ trợ vay vốn sản xuất - kinh doanh, tặng giống vật nuôi và cây trồng, hỗ trợ thường xuyên, đột xuất cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhân các ngày Lễ, dịp Tết Nguyên đán.

Chương V

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 18. Nguồn thu của Quỹ

1. Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (nếu có), bao gồm:

- Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao
- Thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình, mục tiêu đề án do Nhà nước đặt hàng.

4. Thu từ lãi tiền gửi, lãi trái phiếu Chính phủ.

5. Các hiện vật do tổ chức cá nhân tài trợ

6. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 19. Sử dụng Quỹ

1. Nội dung chi, tài trợ, gồm: Giúp đỡ các đối tượng theo tôn chỉ, mục đích hoạt động của Quỹ. Mức giúp đỡ cụ thể do Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, bảo đảm phù hợp với tình hình và khả năng tài chính của Quỹ.

2. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ bao gồm:

- a) Chi tiền lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý Quỹ.
- b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định.
- c) Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, văn phòng phẩm, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ.
- d) Chi trụ sở làm việc (nếu có).
- đ) Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của Quỹ.
- e) Chi các khoản công tác phí phát sinh đi làm các nhiệm vụ vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ.
- g) Chi các khoản khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Định mức chi hoạt động quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, tối đa không quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của Quỹ (không bao gồm các khoản: Tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng và các khoản tài trợ có số tiền, địa chỉ của người nhận).

b) Trường hợp nhu cầu chi thực tế cho hoạt động quản lý Quỹ vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của Quỹ, thì Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức chi nhưng tối đa không vượt quá 10% tổng thu hàng năm của Quỹ.

c) Trường hợp chi phí quản lý của Quỹ đến cuối năm không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng các quy định.

Điều 20. Quản lý tài sản, tài chính quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và xét duyệt quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ.

2. Ban Kiểm soát quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình tài sản, tài chính của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, nguồn thu, các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản lý trên cơ sở nhiệm vụ hoạt động đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; không được sử dụng tài sản, tài chính Quỹ vào các hoạt động khác ngoài tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

4. Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm công khai tình hình tài sản, tài chính quỹ hàng quý, năm theo các nội dung sau:

a) Danh sách, số tiền, hiện vật đóng góp, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho Quỹ.

b) Danh sách, số tiền, hiện vật tổ chức, cá nhân được nhận từ Quỹ.

c) Báo cáo tình hình tài sản, tài chính và quyết toán quý, năm của Quỹ theo từng nội dung thu, chi theo Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Đối với các khoản chi theo từng đợt vận động, việc báo cáo được thực hiện theo quy định hiện hành về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện để trợ giúp cho các đối tượng theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

6. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành.

Chương VI

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐỔI TÊN; ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 21. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

2. Hội đồng quản lý quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Đình chỉ có thời hạn hoạt động của Quỹ

Việc đình chỉ có thời hạn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện

Điều 23. Giải thể quỹ

1. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng hoặc được Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, trình tự xét khen thưởng trong nội bộ Quỹ.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Quỹ, những người làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền trình tự xem xét, quyết định kỷ luật trong nội bộ Quỹ.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và phải được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận mới có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Quỹ có 08 Chương, 27 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ đã được công nhận, Hội đồng quản lý Quỹ Cứu trợ nhân đạo Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.